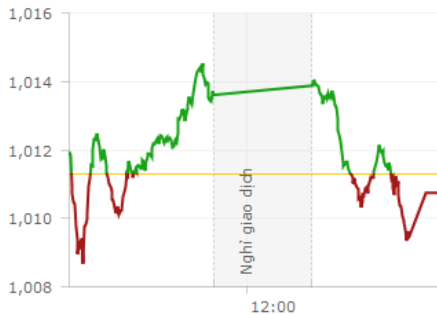
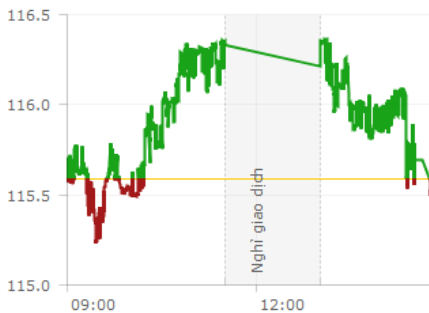


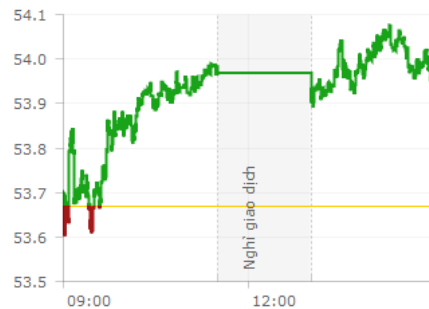
**Vn-index: 0.55 điểm (0.05%)**



**Hnx-index: 0.07 điểm (0.06%)**



**Upcom-index: 0.32 điểm (0.60%)**



### Phân tích kỹ thuật Vn-index

Xu thế ngắn hạn: Tích lũy  
 Xu thế trung hạn: Điều chỉnh  
 Xu thế dài hạn: Tăng

## Thanh Khoản Tăng Cao Với Áp Lực Bán Mạnh Về Cuối Phiên!

**Tổng hợp:** (Phiên giao dịch ngày 25/09/2018). Sau những phút hưng phấn buổi sáng, áp lực chốt lời gia tăng dần trong phiên chiều khiến thị trường "hạ nhiệt". Kết thúc phiên giao dịch, VN-Index giảm 0,55 điểm (-0,05%) xuống còn 1.010,74 điểm với khối lượng giao dịch đạt 231,98 triệu CP, trị giá 4.975 tỷ đồng; HNX-Index giảm 0,07 điểm (-0,06%) xuống 115,52 điểm với khối lượng giao dịch đạt 65,74 triệu CP, trị giá 856,3 tỷ đồng.

**Thanh khoản:** Thanh khoản thị trường tăng mạnh so với phiên trước với tổng khối lượng giao dịch đạt 297,72 triệu cổ phiếu, trị giá 5.831,3 tỷ đồng. Trong đó, giao dịch thỏa thuận chiếm 40,2 triệu CP, trị giá 1.115,8 tỷ đồng. Đáng chú ý có giao dịch thỏa thuận của 13 triệu CP GEX trị giá 363,86 tỷ đồng; 6 triệu CP SBT trị giá 138 tỷ đồng; 971,25 nghìn CP MSN trị giá 91,95 tỷ đồng; 1,25 triệu CP ROS trị giá 51,25 tỷ đồng...

**Điểm nhấn:** Giao dịch khá sôi động và khởi sắc trong phiên sáng, nhưng áp lực bán mạnh dần trong phiên chiều, đặc biệt là tại nhóm CP lớn, khiến thị trường có phần rung lắc và điều chỉnh nhẹ khi kết phiên. Đa số các cổ phiếu ngân hàng như VPB, VCB, TPB, TCB, SHB, MBB, HDB hay ACB đều đồng loạt giảm. Trong đó, MBB giảm 1,3% xuống 22.900 đồng/CP. VCB giảm 1,2% xuống 64.400 đồng/CP và khớp lệnh 1 triệu cổ phiếu. TPB cũng giảm 1,1% xuống 25.950 đồng/CP. Bên cạnh đó, các Bluechips như FPT, VNM, VIC, VHM, MSN, HPG, BVH... cũng đồng loạt giảm điểm đã tác động không nhỏ tới thị trường chung.

Ở chiều tích cực thì lực nâng đỡ thị trường là nhóm CP dầu khí, nhiều mã duy trì sắc xanh khá tốt với GAS, PVD, PVS, PVB, PVC, PXS, BSR, OIL... đồng loạt tăng điểm và không ít cổ phiếu đóng cửa gần mức giá cao nhất phiên. Nổi bật có PVD tăng 5% lên 19.900 đồng/CP và khớp lệnh 4,7 triệu cổ phiếu. PVC tăng 7,6% lên 8.500 đồng/CP. PVB tăng 7,3% lên 23.400 đồng/CP. Bất động sản, xây dựng cũng là nhóm ngành đáng chú ý trong phiên hôm nay với nhiều mã tăng điểm như DIG, CEO, DXG, FCN, HBC, SCR, VCG... Ngoài ra, một số cổ phiếu tăng điểm tốt trong phiên có thể kể tới như VHC, PNJ, hay các cổ phiếu dẹt may TCM, TNG, GIL, VGT... giúp các chỉ số không giảm sâu.

**Khôi ngoại:** Áp lực bán trong nước khiến thị trường rung lắc mạnh, trong khi nhà đầu tư nước ngoài tiếp tục đẩy mạnh gom hàng và mua ròng hơn 70 tỷ đồng trong phiên 25/9. Trên sàn HOSE, khối ngoại đã mua ròng gần 2,2 triệu đơn vị, trong khi phiên trước bán ròng 650.250 đơn vị. Tổng giá trị mua ròng tương ứng 82,11 tỷ đồng, tăng hơn 76% so với phiên trước. Trên sàn HNX, khối ngoại bán ròng 3,43 triệu đơn vị với tổng giá trị tương ứng 24,42 tỷ đồng, tăng mạnh 276,45% về lượng và 380,7% về giá trị so với phiên trước.

## Phân tích kỹ thuật Hnx-index

Xu thế ngắn hạn: Tích lũy  
Xu thế trung hạn: Điều chỉnh  
Xu thế dài hạn: Tăng

**Nhóm ngành:** Áp lực bán về cuối phiên đẩy 2 chỉ số điều chỉnh nhẹ, song sắc xanh vẫn hoàn toàn áp đảo trên các nhóm ngành. Có 6/18 nhóm ngành giảm điểm và hầu hết đều ở mức điều chỉnh nhẹ, giảm sâu nhất là nhóm bảo hiểm cũng chỉ ở mức 0,83%, theo sau là nhóm ngân hàng giảm 0,62% và nhóm truyền thông giảm 0,6%, còn lại các nhóm khác có mức giảm không đáng kể. Trong chiều hướng tăng giá, thì dẫn đầu là nhóm y tế tăng 1,71%, kế tiếp là nhóm ô tô phụ tùng giảm 0,93%, theo sau nữa là nhóm gia dụng & hóa chất và vật liệu xây dựng tăng 0,88% và 0,85%. Còn lại các nhóm khác có mức tăng khá nhẹ nhàng.

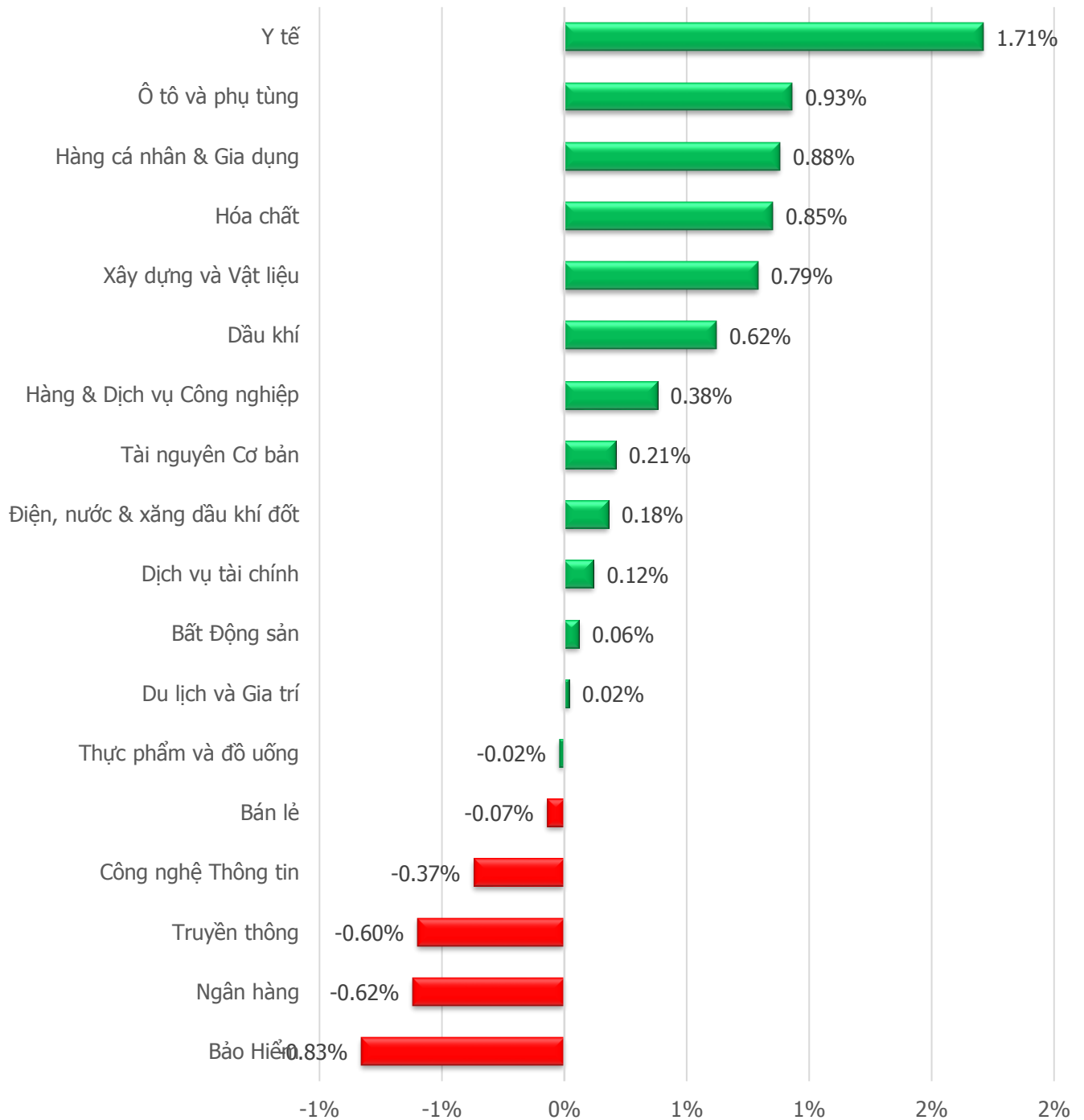
**Nhóm CP vốn hóa lớn:** Ngoài các CP ngân hàng vốn hóa lớn giảm điểm, thì một số mã vốn hóa lớn khác như VIC, VHM, VNM, MSN cũng có sự điều chỉnh nhẹ. Chỉ có một số mã có được sắc xanh như GAS, SAB, VRE, NVL, nhưng mức tăng cũng nhẹ, trừ NVL tăng 1,56%, lên 65.100 đồng, VRE tăng 0,89%, lên 39.850 đồng, còn lại đều tăng dưới 0,5%.

**Nhóm CP vừa và nhỏ:** Nhóm cổ phiếu vừa và nhỏ lại có diễn biến khá tích cực, FLC tăng 4,96%, lên 6.350 đồng với 19,6 triệu đơn vị được khớp, dẫn đầu thị trường. IDI tăng 0,76%, lên 13.250 đồng với 6,5 triệu đơn vị, HSG tăng 1,62%, lên 12.500 đồng với 6,35 triệu đơn vị, SCR tăng 1,89%, lên 9.680 đồng với 4,86 triệu đơn vị... Một số mã như HVG, SJF, TDG, ATG thậm chí còn đóng cửa với sắc tím.

**KHUYẾN NGHỊ ĐẦU TƯ:** Áp lực bán về cuối phiên đẩy cả 2 chỉ số có sự điều chỉnh nhẹ, cộng với thanh khoản tăng so với phiên trước, cho thấy xu hướng chốt lời trong ngắn hạn đang mạnh dần lên. Xét về kỹ thuật với tín hiệu phản ứng nhanh Stochastic đã rơi vào trạng thái quá mua và xuất hiện phân kỳ giảm giá. Tuy nhiên áp lực bán vẫn chưa rõ ràng khi các chỉ số vẫn hoàn toàn đóng cửa nằm trên các đường trung bình MA7 và MA18. Trước diễn biến đó, chúng tôi vẫn duy trì trạng thái ưu tiên nắm giữ CP với tỷ trọng lớn và có thể hành động chốt lời một phần danh mục đã đạt kỳ vọng và luân chuyển một phần vốn sang nhóm CP đã có sự tạo nền và bứt phá trong danh mục khuyến nghị hằng ngày của chúng tôi.

## BIẾN ĐỘNG GIÁ CỔ PHIẾU THEO NHÓM NGÀNH

### Biến động giá theo ngành



## NHÓM CÁC CỔ PHIẾU CÓ GIAO DỊCH ĐỘT BIẾN

### HOSE TOP TĂNG GIÁ

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
TDG	7,520	490	6.97%	927,020
DAT	23,850	1,550	6.95%	1,410
SJF	23,300	1,500	6.88%	1,481,820
HVG	5,620	360	6.84%	1,706,180
BTT	37,700	2,400	6.80%	40

### HNX TOP TĂNG GIÁ

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
PVV	800	100	14.29%	292,800
DPS	1,000	100	11.11%	129,480
TV2	130,900	11,900	10.00%	45,698
PGT	4,400	400	10.00%	1,100
AAV	13,600	1,200	9.68%	433,800

### HOSE TOP GIẢM GIÁ

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
HTL	20,850	-1,550	-6.92%	300
HVX	3,500	-260	-6.91%	170
TGG	14,200	-1,050	-6.89%	212,930
SSC	54,000	-3,900	-6.74%	1,090
ICF	1,700	-120	-6.59%	560

### HNX TOP GIẢM GIÁ

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
QNC	3,600	-400	-10.00%	1,100
VNF	30,800	-3,400	-9.94%	100
GLT	61,000	-6,700	-9.90%	200
MHL	4,600	-500	-9.80%	200
VTC	8,700	-900	-9.38%	5,905

### HOSE TOP KHỐI LƯỢNG GD ĐỘT BIẾN

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
ASM	12,750	0	0.00%	7,355,470
IDI	13,250	100	0.76%	6,514,290
HSG	12,500	200	1.63%	6,346,790
MBB	22,900	-300	-1.29%	5,973,420
CTG	27,800	-200	-0.71%	5,786,020

### HNX TOP KHỐI LƯỢNG GD ĐỘT BIẾN

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
SHB	8,800	-100	-1.12%	8,040,840
VCG	19,200	900	4.92%	5,519,387
HUT	5,900	100	1.72%	5,125,544
TIG	3,100	200	6.90%	4,111,270
KLF	2,300	100	4.55%	3,888,487

### HOSE TOP GIÁ TRỊ GD NHIỀU NHẤT

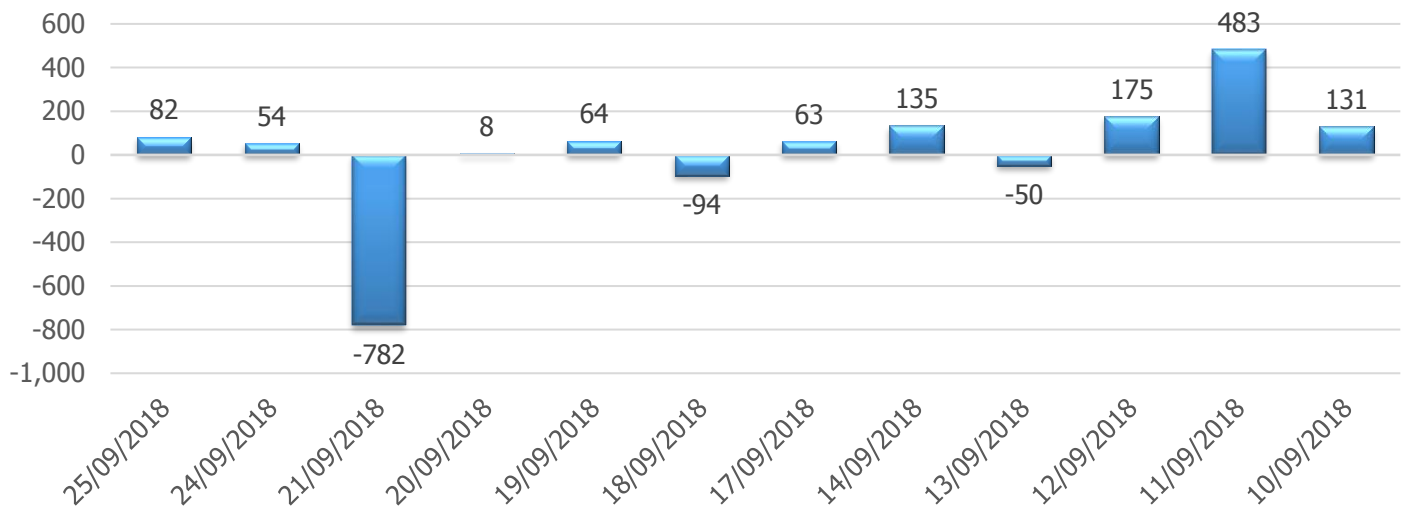
Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
FLC	6,350	300	4.96%	19,597,830
ASM	12,750	0	0.00%	7,355,470
IDI	13,250	100	0.76%	6,514,290
HSG	12,500	200	1.63%	6,346,790
MBB	22,900	-300	-1.29%	5,973,420

### HNX TOP GIÁ TRỊ GD NHIỀU NHẤT

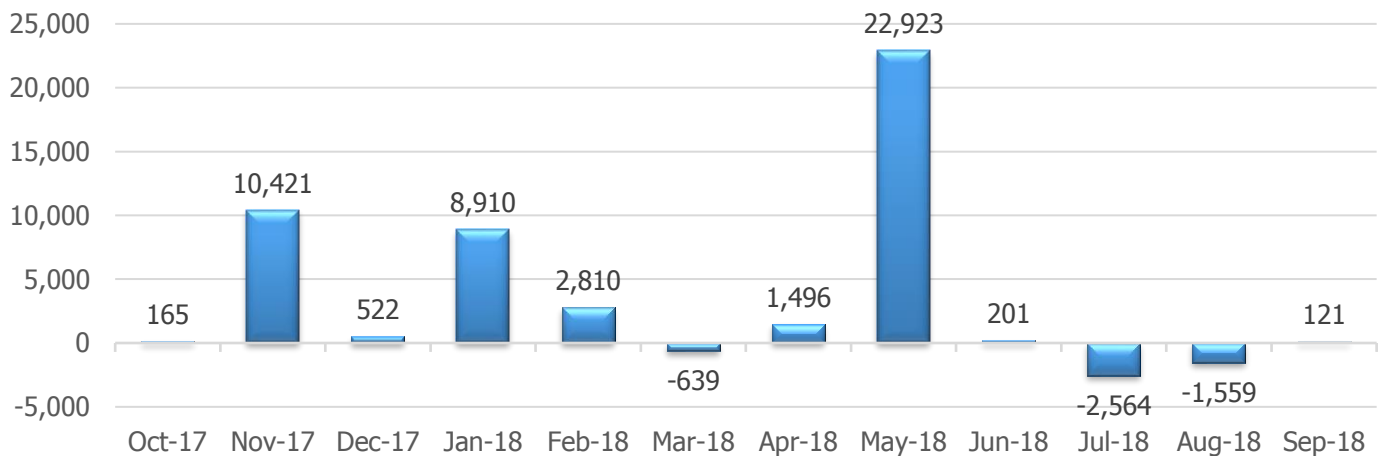
Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
SHB	8,800	-100	-1.12%	8,040,840
VCG	19,200	900	4.92%	5,519,387
HUT	5,900	100	1.72%	5,125,544
PVS	23,800	200	0.85%	4,586,905
TIG	3,100	200	6.90%	4,111,270

## GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài 12 phiên gần nhất (tỷ VNĐ)



Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài 12 tháng gần nhất (tỷ VNĐ)



### HOSE TOP MUA-BÁN RÒNG

Top mua ròng		Top bán ròng	
Mã CP	Giá trị (Tỷ đồng)	Mã CP	Giá trị (Tỷ đồng)
VRE	46.19	VJC	12.60
HPG	13.46	DXG	6.88
KBC	11.24	PGC	6.29
BMP	10.52	DIG	5.30
SBT	7.62	TDH	5.04

### HNX TOP MUA-BÁN RÒNG

Top mua ròng		Top bán ròng	
Mã CP	Giá trị (Tỷ đồng)	Mã CP	Giá trị (Tỷ đồng)
SHB	1.04	VGC	13.06
NTP	0.78	TIG	8.39
SHS	0.74	VCS	2.77
PVS	0.69	PVB	1.90
CDN	0.38	CEO	1.67

## DANH MỤC MỘT SỐ QUỸ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI LỚN TẠI VIỆT NAM

Vina Capital (VOF)												
STT	Ma CP	% Phân bổ	Vốn hóa	Gía trị sổ sách	EPS	ROA	ROE	P/E	P/B	KLGDĐQ 6T	Gía hiện tại	Tăng/giảm 12T
		%	tỷ vnd	vnd	vnd	%	%	lần	lần	cổ phiếu	ngàn vnd	%
1	HPG	13.40%	87,717	17,186	4,242	16.4%	26.8%	9.73	2.40	5,566,829	41,250	53.37%
2	VNM	10.90%	238,577	14,956	5,631	28.5%	38.9%	24.33	9.16	1,096,227	136,900	14.56%
3	ACV	9.00%	190,090	12,877	2,559	11.1%	20.3%	34.12	6.78	127,218	87,700	39.88%
4	KDH	6.30%	13,459	15,677	1,500	5.5%	8.5%	22.03	2.11	353,188	33,050	46.72%
5	PNJ	6.10%	16,603	20,764	5,341	18.8%	28.3%	19.17	4.93	494,411	103,500	36.72%
6	VJC	4.70%	82,379	21,699	8,715	15.1%	45.4%	17.45	7.01	873,649	152,100	78.73%
7	QNS	3.20%	11,541	16,802	3,697	14.7%	23.7%	10.67	2.35	207,186	39,200	-31.24%
8	EIB	3.10%	17,335	12,183	1,003	0.9%	8.6%	14.05	1.16	2,418,353	14,050	13.71%
9	CTD	3.00%	13,293	97,180	21,408	11.2%	22.5%	7.93	1.75	240,888	168,000	-16.49%
10	PVS	2.60%	10,542	23,998	1,621	3.1%	6.0%	14.56	0.98	5,193,658	23,800	50.80%
	Tổng	62.80%										

Dragon Capital (VEIL)												
STT	Ma CP	% Phân bổ	Vốn hóa	Gía trị sổ sách	EPS	ROA	ROE	P/E	P/B	KLGDĐQ 6T	Gía hiện tại	Tăng/giảm 12T
		%	tỷ vnd	vnd	vnd	%	%	lần	lần	cổ phiếu	ngàn vnd	%
1	ACB	7.20%	42,778	14,688	2,887	1.2%	21.5%	11.88	2.34	4,472,506	34,000	48.59%
2	MWG	7.20%	40,907	23,262	8,487	12.2%	41.3%	14.93	5.45	581,040	126,300	9.92%
3	MBB	7.07%	50,122	13,767	2,083	1.4%	14.9%	11.14	1.69	5,960,733	22,900	29.01%
4	VNM	6.27%	238,577	14,956	5,631	28.5%	38.9%	24.33	9.16	1,096,227	136,900	14.56%
5	KDH	5.13%	13,459	15,677	1,500	5.5%	8.5%	22.03	2.11	353,188	33,050	46.72%
6	HPG	4.04%	87,717	17,186	4,242	16.4%	26.8%	9.73	2.40	5,566,829	41,250	53.37%
7	FPT	4.00%	28,285	19,170	5,078	11.7%	23.0%	9.08	2.40	1,506,473	45,900	12.55%
8	GAS	3.94%	225,463	22,568	5,878	17.5%	25.7%	20.04	5.22	654,542	118,000	81.70%
9	ACV	3.59%	190,090	12,877	2,559	11.1%	20.3%	34.12	6.78	127,218	87,700	39.88%
10	VJC	3.37%	82,379	21,699	8,715	15.1%	45.4%	17.45	7.01	873,649	152,100	78.73%
	Tổng	51.81%										

Dragon Capital (VEF)												
STT	Ma CP	% Phân bổ	Vốn hóa	Gía trị sổ sách	EPS	ROA	ROE	P/E	P/B	KLGDĐQ 6T	Gía hiện tại	Tăng/giảm 12T
		%	tỷ vnd	vnd	vnd	%	%	lần	lần	cổ phiếu	ngàn vnd	%
1	VPB	14.23%	63,753	13,565	3,067	2.6%	24.1%	8.46	1.91	4,758,415	25,900	14.41%
2	MWG	13.30%	40,907	23,262	8,487	12.2%	41.3%	14.93	5.45	581,040	126,300	9.92%
3	PNJ	8.57%	16,603	20,764	5,341	18.8%	28.3%	19.17	4.93	494,411	103,500	36.72%
4	FPT	4.88%	28,285	19,170	5,078	11.7%	23.0%	9.08	2.40	1,506,473	45,900	12.55%
5	MBB	4.79%	50,122	13,767	2,083	1.4%	14.9%	11.14	1.69	5,960,733	22,900	29.01%
6	DHG	4.63%	12,617	22,362	4,549	14.3%	21.0%	21.21	4.32	255,870	97,000	-6.65%
7	CTD	4.60%	13,293	97,180	21,408	11.2%	22.5%	7.93	1.75	240,888	168,000	-16.49%
8	CII	4.18%	6,350	20,276	-60	-0.1%	-0.2%	432.25	1.28	699,668	26,500	-21.12%
9	CTI	3.52%	1,632	19,388	2,162	3.1%	9.6%	11.98	1.34	335,691	26,000	-15.08%
10	VCI	3.41%	10,432	22,184	5,635	13.6%	28.3%	11.36	2.88	192,220	63,800	54.96%
	Tổng	62.80%										

VNM ETF												
STT	Ma CP	% Phân bổ	Vốn hóa	Gía trị sổ sách	EPS	ROA	ROE	P/E	P/B	KLGDĐQ 6T	Gía hiện tại	Tăng/giảm 12T
		%	tỷ vnd	vnd	vnd	%	%	lần	lần	cổ phiếu	ngàn vnd	%
1	VIC	9.17%	317,885	13,105	1,136	1.6%	5.8%	87.67	7.60	2,662,417	99,500	145.46%
2	NVL	7.43%	58,606	18,333	2,255	3.7%	13.6%	28.42	3.50	4,713,141	65,100	36.31%
3	VNM	8.51%	238,577	14,956	5,631	28.5%	38.9%	24.33	9.16	1,096,227	136,900	14.56%
4	CTG	7.11%	104,255	18,191	2,085	0.7%	11.9%	13.43	1.54	6,001,484	27,800	48.57%
5	MSN	6.57%	99,532	16,155	5,241	8.9%	26.1%	18.03	5.85	1,413,069	94,400	81.73%
6	ROS	3.80%	22,988	10,141	1,374	7.6%	14.0%	29.48	3.99	1,336,159	40,700	-62.24%
7	HPG	4.41%	87,717	17,186	4,242	16.4%	26.8%	9.73	2.40	5,566,829	41,250	53.37%
8	Mani	4.82%	106	12,076	1,030	6.5%	8.8%	6.79	0.58	31,873	7,200	-2.09%
9	SSI	4.14%	16,570	18,167	2,589	6.6%	14.4%	12.80	1.82	4,752,153	32,950	35.29%
10	Eclat	4.57%	16	17,210	1,625	6.8%	9.5%	5.54	0.52	25	9,000	-30.07%
11	BVH	4.17%	68,477	21,713	1,816	1.3%	8.4%	53.81	4.50	223,269	97,000	73.63%
12	Synopex	2.89%	872	15,140	1,592	8.2%	9.6%	8.17	0.86	41,756	13,200	16.27%
13	SOCO	4.25%	4,480	12,458	1,131	2.7%	6.3%	10.52	0.96	1,985	11,900	0.00%
14	RMIL	3.01%	11	10,483	1,079	0.0%	0.0%	9.26	0.95	0	10,000	0.00%
15	Hansae	3.46%	1,340	10,943	816	0.0%	0.0%	11.64	0.87	117	9,500	-5.94%
16	VCG	1.81%	8,083	14,438	2,875	6.1%	16.7%	6.37	1.27	974,238	19,200	-4.94%
17	STB	2.52%	22,636	13,112	819	0.4%	6.3%	15.33	0.96	5,980,943	12,650	8.66%
18	SBT	1.94%	10,651	12,580	1,115	3.0%	8.0%	19.29	1.71	4,193,641	21,350	-21.96%
19	TCH	2.25%	8,426	12,751	1,075	7.8%	8.7%	22.18	1.87	1,092,170	24,400	56.28%
20	MCNEX	1.35%	20	0	-2,371	0.0%	0.0%	-2.36	0.00	45	5,600	5.66%
21	KDC	1.34%	6,098	29,308	-82	-0.2%	-0.2%	362.25	1.01	364,397	29,650	-25.38%
22	DPM	1.24%	7,161	20,047	1,624	5.9%	7.8%	11.27	0.91	684,394	18,500	-11.49%
23	NT2	1.56%	7,485	12,728	2,980	8.4%	18.5%	8.73	2.04	414,933	26,000	29.52%
24	HSG	0.07%	4,734	13,568	1,861	3.1%	13.4%	6.61	0.91	3,376,033	12,500	-50.30%
25	DCMI	0.19%	5,612	12,289	925	3.9%	7.8%	11.46	0.86	482,305	10,800	-16.77%
26	U.S.Dollar	0.08%	319	13,205	2,123	7.3%	14.5%	4.90	0.79	28,884	10,400	11.57%
27	VCB	6.43%	234,575	16,261	3,140	1.2%	20.3%	20.77	4.01	2,653,689	64,400	76.92%
28	VRE	5.06%	75,093	14,321	1,057	5.6%	7.9%	37.36	2.76	2,398,066	39,850	0.00%
<b>Tổng</b>		100%										

FTSE Vietnam Index ETF												
STT	Ma CP	% Phân bổ	Vốn hóa	Gía trị sổ sách	EPS	ROA	ROE	P/E	P/B	KLGDĐQ 6T	Gía hiện tại	Tăng/giảm 12T
		%	tỷ vnd	vnd	vnd	%	%	lần	lần	cổ phiếu	ngàn vnd	%
1	HPG	15.60%	87,717	17,186	4,242	16.4%	26.8%	9.73	2.40	5,566,829	41,250	53.37%
2	VIC	15.41%	317,885	13,105	1,136	1.6%	5.8%	87.67	7.60	2,662,417	99,500	145.46%
3	MSN	15.32%	99,532	16,155	5,241	8.9%	26.1%	18.03	5.85	1,413,069	94,400	81.73%
4	VNM	12.55%	238,577	14,956	5,631	28.5%	38.9%	24.33	9.16	1,096,227	136,900	14.56%
5	VCB	6.80%	234,575	16,261	3,140	1.2%	20.3%	20.77	4.01	2,653,689	64,400	76.92%
6	NVL	5.84%	58,606	18,333	2,255	3.7%	13.6%	28.42	3.50	4,713,141	65,100	36.31%
7	ROS	5.14%	22,988	10,141	1,374	7.6%	14.0%	29.48	3.99	1,336,159	40,700	-62.24%
8	PVS	5.10%	10,542	23,998	1,621	3.1%	6.0%	14.56	0.98	5,193,658	23,800	50.80%
9	SSI	4.08%	16,570	18,167	2,589	6.6%	14.4%	12.80	1.82	4,752,153	32,950	35.29%
10	STB	2.88%	22,636	13,112	819	0.4%	6.3%	15.33	0.96	5,980,943	12,650	8.66%
<b>Tổng</b>		88.72%										

MSCI Frontier Markets Index												
STT	Ma CP	% Phân bố	Vốn hóa	Gía trị sổ sách	EPS	ROA	ROE	P/E	P/B	KLGD BQ 6T	Gía hiện tại	Tăng/giảm 12T
		%	tỷ vnđ	vnđ	vnđ	%	%	lần	lần	cổ phiếu	ngàn vnđ	%
1	VNM	5.65%	238,577	14,956	5,631	28.5%	38.9%	24.33	9.16	1,096,227	136,900	14.56%
2	VIC	2.76%	317,885	13,105	1,136	1.6%	5.8%	87.67	7.60	2,662,417	99,500	145.46%
3	MSN	1.81%	99,532	16,155	5,241	8.9%	26.1%	18.03	5.85	1,413,069	94,400	81.73%
4	HPG	1.43%	87,717	17,186	4,242	16.4%	26.8%	9.73	2.40	5,566,829	41,250	53.37%
5	ROS	0.63%	22,988	10,141	1,374	7.6%	14.0%	29.48	3.99	1,336,159	40,700	-62.24%
6	NVL	0.58%	58,606	18,333	2,255	3.7%	13.6%	28.42	3.50	4,713,141	65,100	36.31%
7	VRE	0.48%	75,093	14,321	1,057	5.6%	7.9%	37.36	2.76	2,398,066	39,850	0.00%
8	SSI	0.45%	16,570	18,167	2,589	6.6%	14.4%	12.80	1.82	4,752,153	32,950	35.29%
9	STB	0.32%	22,636	13,112	819	0.4%	6.3%	15.33	0.96	5,980,943	12,650	8.66%
10	SAB	0.28%	140,376	24,496	7,384	22.0%	30.1%	29.64	8.94	84,885	219,000	-16.65%
11	PVS	0.20%	10,542	23,998	1,621	3.1%	6.0%	14.56	0.98	5,193,658	23,800	50.80%
12	SBT	0.19%	10,651	12,580	1,115	3.0%	8.0%	19.29	1.71	4,193,641	21,350	-21.96%
13	HSG	0.15%	4,734	13,568	1,861	3.1%	13.4%	6.61	0.91	3,376,033	12,500	-50.30%
14	TCH	0.14%	8,426	12,751	1,075	7.8%	8.7%	22.18	1.87	1,092,170	24,400	56.28%
15	DPM	0.13%	7,161	20,047	1,624	5.9%	7.8%	11.27	0.91	684,394	18,500	-11.49%
16	KBC	0.10%	5,966	18,217	937	2.8%	4.8%	13.55	0.70	2,746,072	12,950	-11.81%
<b>Tổng</b>		15.3%										

## DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ

	Cổ phiếu	Gía Mua cao nhất	Gía Bán cao nhất	Cắt lỗ	Gía đóng cửa	Vùng Mua dự kiến	Vùng Bán dự kiến	Ngày Mua	Ngày Bán	Lợi nhuận	Cập nhật
<b>Danh Mục Khuyến Nghị Mua</b>	MWG	125.5	139.2	114.4	126.30	124.3					Chờ khớp
	BHN	84.6	93.9	77.1	85.00	83.8					Chờ khớp
	DHA	28.9	32.0	26.3	29.00	28.6					Chờ khớp
	FLC	6.3	6.9	5.7	6.40	6.2					Chờ khớp
	VTO	7.7	8.5	7.0	7.80	7.6					Chờ khớp
	DHT	37.9	42.0	34.5	38.00	37.5					Chờ khớp
	VCG	19.0	21.1	17.3	19.20	18.8					Chờ khớp
<b>Danh Mục Đang Năm Giữ</b>	TDH	11.7	12.9	10.6	11.75	11.6		25/09/2018		1.7%	Năm giữ
	DQC	29.7	32.9	27.0	29.45	29.4		24/09/2018		0.2%	Năm giữ
	CSV	36.8	40.8	33.5	36.85	36.40		21/09/2018		1.2%	Năm giữ
	DVN	17.1	18.9	15.5	17.40	16.90		21/09/2018		3.0%	Năm giữ
	PTB	62.1	68.9	56.6	62.00	61.50		21/09/2018		0.8%	Năm giữ
	DCM	10.4	11.5	9.5	10.80	10.30		20/09/2018		4.9%	Năm giữ
	BMP	58.0	64.3	52.8	62.20	57.40		18/09/2018		8.4%	Năm giữ
	PHR	26.6	29.5	24.2	27.00	26.30		18/09/2018		2.7%	Năm giữ
	VNS	17.4	19.3	15.8	17.20	17.20		18/09/2018		0.0%	Năm giữ
	DHG	93.4	103.6	85.1	97.00	92.50		14/09/2018		4.9%	Năm giữ
	NT2	27.9	30.9	25.4	26.00	27.60		14/09/2018		-1.5%	Năm giữ
	HSG	11.2	12.4	10.2	12.50	11.10		14/09/2018		12.6%	Năm giữ

POM	15.2	16.8	13.8	15.90	15.00		13/09/2018		6.0%	Nằm giữ	
PDR	25.9	28.7	23.6	26.30	25.60		12/09/2018		2.7%	Nằm giữ	
SSI	32.0	35.5	29.2	32.95	31.70		12/09/2018		3.9%	Nằm giữ	
PAC	40.8	45.2	37.2	43.60	40.40		10/09/2018		7.9%	Nằm giữ	
NDN	14.0	15.6	12.8	14.30	13.90		07/09/2018		2.9%	Nằm giữ	
AMD	3.7	4.1	3.4	3.71	3.70		05/09/2018		0.3%	Nằm giữ	
ASM	12.8	14.2	11.7	12.75	12.70		05/09/2018		0.4%	Nằm giữ	
SLS	65.7	72.8	59.8	66.00	65.00		31/08/2018		1.5%	Nằm giữ	
HDB	38.2	42.3	34.8	38.90	37.80		31/08/2018		2.9%	Nằm giữ	
CAP	42.1	46.7	38.4	41.50	41.70		31/08/2018		3.9%	Nằm giữ	
DPR	37.1	41.1	33.8	37.80	36.70		23/08/2018		3.0%	Nằm giữ	
NTC	65.7	72.8	59.8	72.30	65.00		16/08/2018		26.4%	Nằm giữ	
EIB	14.2	15.8	13.0	14.05	14.10		22/08/2018		-0.4%	Nằm giữ	
PAN	59.5	66.0	54.2	58.50	58.90		21/08/2018		-0.7%	Nằm giữ	
CAV	55.7	61.7	50.7	57.40	55.10		14/08/2018		4.2%	Nằm giữ	
SAB	206.0	228.5	187.7	219.00	204.00		10/08/2018		7.4%	Nằm giữ	
EVE	16.7	18.5	15.2	16.45	16.5		26/07/2018		-0.3%	Nằm giữ	
BFC	26.7	29.6	24.3	27.20	26.4		24/07/2018		3.0%	Nằm giữ	
QNS	40.2	44.6	36.6	39.20	39.8		20/07/2018		-1.5%	Nằm giữ	
PPC	18.2	20.2	16.6	18.50	18.0		19/07/2018		2.8%	Nằm giữ	
LTG	38.4	42.6	35.0	38.00	38.00		25/06/2018		0.0%	Nằm giữ	
Danh Mục Đã Bán	FMC	21.5	23.9	19.6	26.10	21.30	26.5	13/08/2018	17/09/2018	24.4%	Đã bán
	PVT	15.0	16.7	13.7	16.75	14.9	17.0	12/07/2018	28/08/2018	21.5%	Đã bán
	PVS	16.7	18.5	15.2	18.90	16.5	19.2	19/07/2018	16/08/2018	16.4%	Đã bán
	NVB	7.4	8.2	6.7	8.10	7.30	8.2	15/08/2018	28/08/2018	12.3%	Đã bán
	OGC	2.0	2.2	1.8	2.10	2.00	2.2	08/08/2018	16/08/2018	10.0%	Đã bán
	CEO	12.9	14.3	11.8	13.80	12.80	13.5	15/08/2018	05/09/2018	10.9%	Đã bán
	DXG	25.3	28.0	23.0	27.20	25.0	27.0	02/08/2018	05/09/2018	8.0%	Đã bán
	GMD	25.3	28.0	23.0	27.00	25.0	27.0	02/08/2018	13/09/2018	8.0%	Đã bán
	PVD	13.7	15.2	12.5	15.10	13.6	14.6	02/08/2018	16/08/2018	7.4%	Đã bán
	OIL	14.4	16.0	13.2	15.10	14.3	15.2	20/07/2018	16/08/2018	6.3%	Đã bán
	SHB	8.3	9.2	7.5	8.50	8.20	8.5	16/08/2018	04/09/2018	3.7%	Đã bán
	VCG	17.3	19.2	15.7	17.60	17.10	17.5	27/06/2018	16/08/2018	2.3%	Đã bán
	PVC	6.7	7.4	6.1	6.30	6.60	6.7	07/08/2018	16/08/2018	1.5%	Đã bán
	DGL	39.8	44.1	36.2	40.00	39.40	40.0	30/08/2018	05/09/2018	1.5%	Đã bán
	SKG	21.4	23.7	19.5	21.40	21.20	21.6	07/08/2018	05/09/2018	1.9%	Đã bán
	CSM	14.1	15.7	12.9	14.10	14.00	14.3	23/08/2018	24/09/2018	2.1%	Đã bán
	VDP	32.3	35.8	29.4	31.60	32.00	32.5	13/08/2018	24/09/2018	1.6%	Đã bán
	PHC	16.5	18.3	15.0	15.70	16.3	16.1	31/07/2018	19/09/2018	-1.2%	Đã bán
	HPX	27.7	30.7	25.2	27.00	27.40	27.1	15/08/2018	18/09/2018	-1.1%	Đã bán
	TLH	7.4	8.2	6.7	7.11	7.30	7.1	15/08/2018	18/09/2018	-2.6%	Đã bán
AAA	17.6	19.5	16.0	16.70	17.40	17.0	06/09/2018	18/09/2018	-2.3%	Đã bán	
NTL	10.2	11.3	9.3	9.70	10.1	9.7	20/07/2018	10/09/2018	-4.0%	Đã bán	

FTS	13.5	15.0	12.3	13.00	13.4	13.0	31/07/2018	06/09/2018	-3.0%	Đã bán
CVN	4.3	4.8	4.0	4.00	4.30	4.0	30/08/2018	06/09/2018	-7.0%	Đã bán
SSI	31.6	35.1	28.8	30.70	31.30	30.9	29/08/2018	05/09/2018	-1.3%	Đã bán
MBB	24.1	26.8	22.0	23.10	23.90	22.8	14/08/2018	05/09/2018	-4.6%	Đã bán
VRE	42.4	47.0	38.6	39.60	42.0	39.9	19/07/2018	30/08/2018	-5.0%	Đã bán
KDC	34.0	37.7	31.0	31.40	33.70	31.4	26/06/2018	23/08/2018	-2.0%	Đã bán
DHG	101.7	112.8	92.6	96.00	100.7	96.0	17/07/2018	21/08/2018	-4.7%	Đã bán
VPB	27.2	30.1	24.7	24.90	26.9	25.3	31/07/2018	21/08/2018	-5.9%	Đã bán
KDH	30.7	34.0	28.0	29.10	30.4	29.2	31/07/2018	17/08/2018	-3.9%	Đã bán
HAX	16.5	18.3	15.0	15.25	16.30	15.0	25/06/2018	14/08/2018	-8.0%	Đã bán
TLD	10.5	11.6	9.6	15.5	10.4	14.5	30/05/2018	03/07/2018	38.9%	Đã bán
TNI	6.5	7.2	5.9	8.7	6.4	8.7	14/05/2018	10/07/2018	35.9%	Đã bán
NVT	4.6	5.2	4.2	5.98	4.60	6.0	28/06/2018	11/07/2018	30.4%	Đã bán
GTN	9.5	10.5	8.6	11.10	9.4	11.4	19/07/2018	27/07/2018	21.3%	Đã bán
VIB	24.7	27.4	22.5	27.10	24.50	27.5	11/07/2018	25/07/2018	12.2%	Đã bán
VRC	16.2	17.9	14.7	17.0	16.0	16.7	30/05/2018	03/07/2018	4.4%	Đã bán
PVS	16.7	18.5	15.2	16.7	16.5	16.7	21/06/2018	03/07/2018	1.2%	Đã bán
PVC	5.8	6.4	5.2	5.9	5.7	5.8	21/06/2018	03/07/2018	1.8%	Đã bán
CII	26.3	29.1	23.9	26.50	26.00	26.5	11/07/2018	26/07/2018	1.9%	Đã bán
DPM	18.1	20.0	16.5	17.60	17.9	18.0	26/06/2018	14/08/2018	0.6%	Đã bán

**LIÊN HỆ TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VNCS: [vncs.research@vn-cs.com](mailto:vncs.research@vn-cs.com)**

Người thực hiện: **Lưu Chí Kháng**  
Chuyên viên Phân tích Cao cấp  
Email: [khanglc@vn-cs.com](mailto:khanglc@vn-cs.com)

Người thực hiện: **Đỗ Thị Hương**  
Trợ lý Phân tích  
Email: [huongdt@vn-cs.com](mailto:huongdt@vn-cs.com)

**TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VNCS**

**Đỗ Bảo Ngọc**

Phó Tổng giám đốc & Giám đốc trung tâm nghiên cứu  
Email: [ngocdb@vn-cs.com](mailto:ngocdb@vn-cs.com)

**Bộ phận Phân tích Ngành và Doanh nghiệp**

**Nguyễn Đức Minh**

Chuyên viên Phân tích Cao cấp  
Email: [minhnd@vn-cs.com](mailto:minhnd@vn-cs.com)

**Trần Vũ Phương Liên**

Chuyên viên phân tích  
Email: [lientvp@vn-cs.com](mailto:lientvp@vn-cs.com)

**Vũ Thùy Dương**

Chuyên viên phân tích  
Email: [duongvt@vn-cs.com](mailto:duongvt@vn-cs.com)

**Bộ phận Phân tích Kinh tế Vĩ mô  
và Thị trường Chứng khoán**

**Lưu Chí Kháng**

Chuyên viên Phân tích Cao cấp  
Email: [khanglc@vn-cs.com](mailto:khanglc@vn-cs.com)

**Đỗ Thị Hương**

Trợ lý Phân tích  
Email: [huongdt@vn-cs.com](mailto:huongdt@vn-cs.com)

**Hệ Thống Khuyến Nghị:** Hệ thống khuyến nghị của CTCP Chứng khoán Kiến Thiết Việt Nam (VNCS) được xây dựng dựa trên mức chênh lệch của giá mục tiêu 12 tháng và giá cổ phiếu trên thị trường tại thời điểm đánh giá.

<b>Xếp hạng</b>	<b>Khi (giá mục tiêu – giá hiện tại)/giá hiện tại</b>
MUA	$\geq 20\%$
KHẢ QUAN	Từ 10% đến 20%
PHÙ HỢP THỊ TRƯỜNG	Từ -10% đến +10%
KÉM KHẢ QUAN	Từ -10% đến - 20%
BÁN	$\leq -20\%$

**Tuyên bố miễn trách nhiệm:** Bản quyền năm 2018 thuộc về Công ty Cổ phần Chứng khoán Kiến Thiết Việt Nam (VNCS). Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và VNCS không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Quan điểm thể hiện trong báo cáo này là của (các) tác giả và không nhất thiết liên hệ với quan điểm chính thức của VNCS. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay khuyến nghị mua/bán bất kỳ chứng khoán nào. Báo cáo này không được phép sao chép, tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của VNCS.

**TRỤ SỞ VNCS**

Tầng 3 Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng, Cầu Giấy, Hà Nội  
ĐT: + 84 24 3926 0099  
Webiste: [www.vn-cs.com](http://www.vn-cs.com)